TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN (H. Yên Định)
được công nhận kết quả học tạp và cấp Chứng chỉ hoàn thành chương trình
Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng I đợt 6-năm 2018
(*Ban hành kèm theo Quyết định số 1783/QĐ-ĐHHĐ ngày 24/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức*)

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
1	2070	Nguyễn Thị	Bình	11/04/1980		THCS Định Hải	Yên Định	7.0	5.5	8.0	*Đạt*
2	2071	Lê Thị	Bình	25/02/1974		THCS Định Tăng	Yên Định	7.5	5.0	7.0	*Đạt*
3	2072	Lê Đức	Chung	16/10/1978	Nam	THCS Yên Hùng	Yên Định	8.0	6.0	8.0	*Đạt*
4	2073	Trịnh Thị	Cúc	02/11/1976		THCS Lê Đình Kiên	Yên Định	8.0	6.0	7.5	*Đạt*
5	2074	Hoàng Văn	Cường	08/06/1979	Nam	THCS Yên Trung	Yên Định	7.0	5.0	7.5	*Đạt*
6	2075	Thiều Quang	Đông	09/05/1977	Nam	Trường THCS Định Hải	Yên Định	7.0	5.0	8.0	*Đạt*
7	2076	Nguyễn Thị	Dự	01/09/1979		Trường THCS Định Tăng	Yên Định	7.5	5.0	7.0	*Đạt*
8	2077	Vũ Tiến	Duẩn	11/06/1980	Nam	THCS Lê Đình Kiên	Yên Định	8.0	5.0	7.5	*Đạt*
9	2078	Trịnh Đức	Dũng	20/10/1979	Nam	THCS Yên Bái	Yên Định	8.0	5.5	8.0	*Đạt*
10	2079	Phùng Thị	Dương	01/02/1983		TT GDTX Yên Định	Yên Định	7.0	5.0	7.5	*Đạt*
11	2080	Trịnh Thị	Duyên	07/05/1976		THCS Quý Lộc	Yên Định	7.0	6.5	7.5	*Đạt*
12	2081	Nguyễn Minh	Giang	02/05/1980	Nam	THCS Định Lạc	Yên Định	8.0	6.0	6.0	*Đạt*
13	2082	Vũ Thị	Giang	05/05/1979		THCS Yên Trường	Yên Định	8.0	5.0	8.0	*Đạt*
14	2083	Nguyễn Thị	Hà	01/02/1978		THCS Định Liên	Yên Định	7.0	6.0	8.5	*Đạt*
15	2084	Lê Thị	Hà	19/02/1980		THCS Định Liên	Yên Định	6.5	5.0	8.0	*Đạt*
16	2085	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	24/12/1976		THCS Yên Thái	Yên Định	8.0	6.5	7.5	*Đạt*
17	2086	Nguyễn Thị	Hiền	20/05/1981		THCS&THPT Thống Nhất	Yên Định	8.0	7.0	8.0	*Đạt*
18	2087	Trịnh Thị Thu	Hiền	21/04/1984		THCS Yên Thọ	Yên Định	8.0	5.0	8.0	*Đạt*
19	2088	Vũ Thị Mỹ	Hòa	27/01/1973		THCS Yên Phong	Yên Định	8.0	6.0	7.0	*Đạt*

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
20	2089	Trịnh Thị	Học	07/02/1976		THCS&THPT Thống Nhất	Yên Định	7.0	6.0	8.0	*Đạt*
21	2090	Trịnh Thị	Hồng	13/06/1981		THCS Định Tiến	Yên Định	8.0	6.0	8.0	*Đạt*
22	2091	Trịnh Thị	Hồng	08/08/1979		THCS Yên Thọ	Yên Định	8.0	5.0	8.0	*Đạt*
23	2092	Đặng Thị	Huê	27/10/1978		THCS Định Tường	Yên Định	8.0	6.0	8.0	*Đạt*
24	2093	Nguyễn Thị	Hương	16/09/1979		THCS&THPT Thống Nhất	Yên Định	8.0	6.0	8.0	*Đạt*
25	2094	Dương Thị	Hường	02/11/1979		THCS Định Bình	Yên Định	7.0	6.0	8.5	*Đạt*
26	2095	Nguyễn Đức	Hữu	24/04/1984	Nam	THCS Lê Đình Kiên	Yên Định	7.0	6.5	8.0	*Đạt*
27	2096	Nguyễn Thị	Huyên	20/06/1981		THCS Quý Lộc	Yên Định	7.0	6.0	8.0	*Đạt*
28	2097	Trần Thị	Huyền	07/03/1981		THCS Lê Đình Kiên	Yên Định	8.0	6.0	8.0	*Đạt*
29	2098	Trịnh Thị	Kiên	25/11/1978		THCS&THPT Thống Nhất	Yên Định	7.0	7.0	8.0	*Đạt*
30	2099	Trịnh Văn	Kiện	06/10/1981	Nam	THCS Lê Đình Kiên	Yên Định	8.0	6.0	7.0	*Đạt*
31	2100	Phạm Thị	Lan	15/08/1976		Trường THCS Quý Lộc	Yên Định	8.0	5.5	8.0	*Đạt*
32	2101	Lê Tiến	Long	20/03/1983	Nam	THCS Lê Đình Kiên	Yên Định	6.0	6.0	8.0	*Đạt*
33	2102	Trịnh Thị	Mai	20/01/1976		THCS Yên Thái	Yên Định	8.0	7.5	8.0	*Đạt*
34	2103	Trịnh Tiến	Mạnh	17/06/1982	Nam	THCS Lê Đình Kiên	Yên Định	6.0	5.0	7.5	*Đạt*
35	2104	Trịnh Thị	Nam	15/10/1980		THCS Yên Bái	Yên Định	7.0	6.0	8.0	*Đạt*
36	2105	Trịnh Thị	Nga	02/11/1983		THCS Định Hưng	Yên Định	7.5	6.0	7.5	*Đạt*
37	2106	Phạm Thị	Nga	23/08/1980		THCS Yên Trường	Yên Định	6.0	5.5	7.5	*Đạt*
38	2107	Trịnh Hữu	Ngọc	15/10/1982	Nam	THCS Lê Đình Kiên	Yên Định	8.0	6.0	8.0	*Đạt*
39	2108	Lưu Trần	Nhàn	26/10/1977	Nam	THCS Định Liên	Yên Định	6.5	5.5	8.5	*Đạt*
40	2109	Lê Văn	Ninh	28/06/1977	Nam	THCS Yên Lạc	Yên Định	7.0	6.0	7.0	*Đạt*
41	2110	Lê Thị	Sâm	06/06/1977		THCS Yên Trường	Yên Định	7.5	6.5	8.0	*Đạt*
42	2111	Hà Thị	Sáng	16/12/1978		THCS Định Tăng	Yên Định	7.0	6.0	8.0	*Đạt*
43	2112	Nguyễn Văn	Tài	02/01/1975	Nam	THCS Định Hưng	Yên Định	7.5	5.0	8.5	*Đạt*
44	2113	Trần Thị	Tâm	15/03/1979		THCS Lê Đình Kiên	Yên Định	7.5	6.0	8.5	*Đạt*

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
45	2114	Lưu Thị	Tâm	18/05/1981		THCS Lê Đình Kiên	Yên Định	7.0	6.5	7.5	*Đạt*
46	2115	Nguyễn Văn	Tân	17/12/1978	Nam	THCS Yên Giang	Yên Định	8.0	6.0	8.0	*Đạt*
47	2116	Trịnh Thị	Thanh	05/03/1983		THCS Quý Lộc	Yên Định	8.0	5.0	9.0	*Đạt*
48	2117	Phạm Thị	Thanh	15/05/1976		THCS Yên Thọ	Yên Định	6.0	5.5	8.0	*Đạt*
49	2118	Nguyễn Thị Phương	Thảo	29/01/1983		THCS Lê Đình Kiên	Yên Định	8.5	5.5	8.0	*Đạt*
50	2119	Đỗ Hữu	Thọ	14/06/1981	Nam	TT GDTX Yên Định	Yên Định	7.0	6.0	8.0	*Đạt*
51	2120	Nguyễn Thị	Thu	20/09/1981		THCS Lê Đình Kiên	Yên Định	7.0	5.5	8.0	*Đạt*
52	2121	Trịnh Thị	Thu	23/12/1977		THCS Yên Trường	Yên Định	6.0	5.5	7.0	*Đạt*
53	2122	Trịnh Thị	Thủy	07/06/1979		THCS Định Hưng	Yên Định	7.0	5.0	7.5	*Đạt*
54	2123	Nguyễn Thị Bích	Thủy	30/03/1977		THCS Quý Lộc	Yên Định	7.0	5.0	9.0	*Đạt*
55	2124	Phạm Văn	Tiến	30/01/1978		THCS Định Tiến	Yên Định	5.0	6.0	7.0	*Đạt*
56	2125	Nguyễn Thị	Trang	15/02/1980		THCS Định Tăng	Yên Định	8.0	5.5	8.0	*Đạt*
57	2126	Trịnh Thành	Trung	22/02/1981	Nam	THCS&THPT Thống Nhất	Yên Định	7.0	6.0	8.5	*Đạt*
58	2127	Vũ Hồng	Tuấn	01/06/1979	Nam	Phòng GD&ĐT Yên Định	Yên Định	5.5	5.5	8.5	*Đạt*
59	2128	Nguyễn Thị	Vân	06/09/1981		THCS Định Hòa	Yên Định	6.5	6.0	8.0	*Đạt*
60	2129	Nguyễn Xuân	Vinh	08/05/1985	Nam	THCS Yên Lâm	Yên Định	8.0	5.5	8.0	*Đạt*
61	2130	Nguyễn Huy	Xuân	06/08/1979	Nam	THCS Yên Giang	Yên Định	8.5	6.0	7.5	*Đạt*
62	2131	Mai Thị Hải	Yến	20/08/1980		THCS Yên Bái	Yên Định	7.0	7.0	8.5	*Đạt*

(*Ấn định danh sách này gồm 62 học viên*)./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Mai